TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY ĐIỆN LỰC PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4166/QĐ-PCPT

Phú Thọ, ngày 31 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án: Đầu tư, cải tạo lưới điện trung hạ thế khu vực khu vực Lạc Sơn – tỉnh Phú Thọ năm 2027

GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐIỆN LỰC PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình; Số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 09/2024/TT-BXD ngày 30/08/2024 ban hành QCVN 03:2024/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng; Số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng; Số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Công Thương: Số 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực; Số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 quy định hệ thống điện truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng; Số 41/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện; Số 51/2025/TT-BCT ngày 11/11/2025 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện – Hệ thống lưới điện;

Căn cứ các Quyết định của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Bắc: Số 194/QĐ-HĐTV ngày 13/8/2025 về việc ban hành quy định về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Số 92/QĐ-HĐTV ngày 21/7/2026 về việc ban hành Quy chế phân cấp của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Bắc; số 118/QĐ-EVNNPC ngày 20/01/2026 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc ban hành Quy định về công tác khảo sát, thiết kế dự án lưới điện cấp điện áp đến 220kV trong Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Số 1979/QĐ-EVNNPC ngày 30/9/2026 ban hành Quy định về nội dung, trình tự thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư xây dựng lưới điện đến cấp điện áp 220kV áp dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Bắc;

Căn cứ các Quyết định của Giám đốc Công ty Điện lực Phú Thọ: Số 169/QĐ-PCPT ngày 06/7/2025 về việc ban hành Quy định phân công nhiệm vụ, trách nhiệm trong Ban giám đốc Công ty Điện lực Phú Thọ; Số 2112/QĐ-PCPT ngày 08/10/2025 về việc sửa đổi bổ sung Quy định phân công nhiệm vụ, trách nhiệm trong Ban giám đốc Công ty Điện lực Phú Thọ; Số 381/QĐ-PCPT ngày 18/7/2025 Ban hành lại Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng chức năng trong bộ máy giúp việc của Công ty Điện lực Phú Thọ; Số 2446/QĐ-PCPT ngày 27/10/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng

chức năng trong bộ máy giúp việc của Công ty Điện lực Phú Thọ; Số 2574/QĐ-PCPT ngày 31/10/2025 về việc Ban hành tập Lưu đồ thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư xây dựng trong Công ty Điện lực Phú Thọ; Số 2394/QĐ-PCPT ngày 12/6/2026 về việc thành lập Tổ thẩm định dự án đầu tư xây dựng các công trình, dự án ĐTXD (trừ dự án VT&CNTT, kiến trúc, phương tiện, mua sắm tài sản) của Công ty Điện lực Phú Thọ được giao theo phân cấp;

Căn cứ Quyết định số 1520/QĐ-EVNNPC ngày 09/8/2026 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc, về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2027 cho Công ty Điện lực Phú Thọ;

Căn cứ Hợp đồng số 16-2026/ HĐTV/PCPT ngày 16/10/2026 được ký giữa Công ty Điện lực Phú Thọ - Chi nhánh công ty Điện lực miền Bắc và Công ty cổ phần năng lượng Nam Phú, về việc tự thực hiện gói thầu PCPT-2026-TVTK11.26-Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT công trình: "Đầu tư, cải tạo lưới điện trung hạ thế khu vực khu vực Lạc Sơn – tỉnh Phú Thọ năm 2027";

Căn cứ các Quyết định số 4044/QĐ-PCPT ngày 24/10/2026 của Công ty Điện lực Phú Thọ việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng, nhiệm vụ thiết kế xây dựng; số 4051/QĐ-PCPT ngày 24/10/2026 của Công ty Điện lực Phú Thọ việc phê duyệt phương án khảo sát xây dựng; số 4115/QĐ-PCPT ngày 29/10/2026 của Công ty Điện lực Phú Thọ việc phê duyệt báo cáo khảo sát xây dựng công trình (dự án): "Đầu tư, cải tạo lưới điện trung hạ thế khu vực khu vực Lạc Sơn – tỉnh Phú Thọ năm 2027";

Căn cứ hồ sơ BCKTKT công trình (dự án): Đầu tư, cải tạo lưới điện trung hạ thế khu vực khu vực Lạc Sơn – tỉnh Phú Thọ năm 2027, do Công ty cổ phần năng lượng Nam Phú lập;

Căn cứ Thông báo của Tổ thẩm định dự án ĐTXD Công ty Điện lực Phú Thọ về kết quả thẩm định BCKTKT công trình (dự án): "Đầu tư, cải tạo lưới điện trung hạ thế khu vực khu vực Lạc Sơn – tỉnh Phú Thọ năm 2027 ".

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: "Đầu tư, cải tạo lưới điện trung hạ thế khu vực khu vực Lạc Sơn – tỉnh Phú Thọ năm 2027 ", với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Đầu tư, cải tạo lưới điện trung hạ thế khu vực khu vực Lạc Sơn – tỉnh Phú Thọ năm 2027.

2. Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn các xã Mường Vang, Ngọc Sơn, Quyết Thắng, Thượng Cốc, Yên Phú, Tân Lạc, Nhân Nghĩa, Đại Đồng, tỉnh Phú Thọ.

3. Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Phú Thọ - CN Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

- Địa chỉ: Số 1520 đường Hùng Vương, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Điện thoại: 0210.2210.311.

4. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần năng lượng Nam Phú.

5. Loại, cấp, nhóm công trình, thời hạn sử dụng chính của công trình theo thiết kế: Công trình năng lượng, cấp IV, nhóm C, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính không nhỏ hơn 50 năm.

6. Mục tiêu dự án:

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của phụ tải, giảm tổn thất điện năng, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, nâng cao chất lượng điện năng.

- Đảm bảo các chỉ tiêu về chất lượng điện năng cho các khách hàng sử dụng điện và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện MAIFI, SAIFI, SAIDI.

- Nâng cao hình ảnh, uy tín và niềm tin với khách hàng sử dụng điện.

- Cung cấp điện an toàn ổn định và tin cậy đóng góp quan trọng vào công tác: đảm bảo an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế xã hội của khu vực Lạc Sơn nói riêng và tỉnh Phú Thọ nói chung.

7. Quy mô đầu tư xây dựng: Quy mô công suất, khả năng phục vụ; một số chỉ tiêu, thông số chính của công trình chính thuộc dự án:

7.1. Quy mô xây dựng của công trình:

Cải tạo nâng cấp 55,872km ĐZ 0,4kV tiết diện 35-50mm2 lên tiết diện 70mm2 sử dụng dây cáp vặn xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE.

7.2. Các giải pháp kỹ thuật và thông số kỹ thuật chính.

a. Giải pháp kỹ thuật phần điện:

+ Kiểu: Đường dây không ĐDK.

+ Điện áp định mức: 0,4kV;

+ Số mạch: 01

+ Dây dẫn: Cáp vặn xoắn 3 pha 4 dây, loại: AL-XLPE-4x70

+ Phụ kiện cáp vặn xoắn: Sử dụng toàn bộ các khóa hãm, treo cáp phải đồng bộ, phù hợp tiết diện dây dẫn cáp vặn xoắn và đảm bảo tiêu chuẩn.

- Cổ dề móc cáp vặn xoắn: Kích thước phù hợp với ngọn cột, được chế tạo từ thép hình CT3, mạ kẽm nhúng nóng.

- Xà giá đỡ: Lắp mới hệ thống xà giá đỡ được mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN đảm bảo khoảng cách theo quy phạm trạng bị điện.

- Cột điện: Sử dụng cột bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước, loại I, chế tạo theo TCVN 5847:2016.

+ Các cột hạ thế được đánh số và hệ thống biển báo theo quy định thuận tiện cho công tác quản lý vận hành sau khi dự án đưa vào vận hành khai thác.

- Móng cột hạ thế: Sử dụng móng bê tông không cốt thép đổ tại chỗ trong đó bê tông lót móng mác M100#, bê tông đúc sử dụng bê tông mác M150#. Đối với từng chủng loại cột trên tuyến sử dụng các loại móng cụ thể như sau:

+ Móng ML-1, ML-2, ML-3 sử dụng cho cột bê tông ly tâm cao 8,5m, 10m, 12m dựng đơn;

+ Móng MLĐ-2; MLĐ-3 sử dụng cho cột bê tông ly tâm cao 8,5m, 10m, 12m dựng đúp;

- Tiếp địa: Dùng kiểu tiếp địa cọc tia hỗn hợp loại RLL, điện trở tiếp địa đảm bảo theo quy phạm. Toàn bộ tiếp địa được chế tạo bằng thép hình, những chỗ tiếp xúc và phần hở trên mặt đất phải được mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn TCVN5408:2007

+ Nối đất dùng loại cọc tia hỗn hợp, chi tiết các bộ nối đất và vị trí lắp đặt được thể hiện trong tập bản vẽ và tổng kê.

- Chỉ cải tạo thay dây dẫn 1pha 2 dây với các tuyến đường dây cũ nát; xuống cấp với các trục chính có tiết diện dây hiện trạng nhỏ, không đảm bảo an toàn và năng lực truyền tải không đảm bảo yêu cầu cung cấp điện cho những năm tới. Chỉ cải tạo thay cột tại những vị trí cột nứt, vỡ, góc không đủ khả năng chịu lực. Cải tạo, bổ sung thêm lộ đường dây hạ áp trên tuyến đường dây hiện trạng.

- Cải tạo thay cột, dây dẫn và phụ kiện: Tận dụng tuyến hiện có, thực hiện cải tạo

nâng tiết diện dây dẫn và thay thế các phụ kiện để đồng bộ với dây dẫn mới. Đường dây cải tạo tận dụng tối đa phần vật tư thiết bị trên lưới hiện có còn đạt yêu cầu kỹ thuật; Chèn thêm cột mới giữa những khoảng cột hiện có, tận dụng những cột đỡ hiện có làm cột đỡ nhằm đảm bảo khoảng cách tĩnh không và tăng khả năng chịu lực của đường dây, thay thế cột tại những vị trí cột nứt, vỡ, góc không đủ khả năng chịu lực.

- Các biện pháp bảo vệ khác: Các vị trí cột đều được đánh số theo thứ tự ghi trong bảng kê và có sơn biển cấm trèo nguy hiểm chết người. Các vị trí đường dây 400V đi chung cột được treo thẻ phân pha.

* Phần công tơ:

- Chuyển đấu nối hệ thống công tơ từ lưới điện cũ sang lưới mới: Dùng ghíp nối phù hợp theo tiết diện cáp vặn xoắn và dây cáp AV để đấu từ ĐZ 0,4kV xuống hòm công tơ. Chủng loại ghíp duyệt theo thiết kế.

- Với các vị trí thay thế, bổ sung dây dẫn đi trên các vị trí cột hiện có, cần tiến hành đấu trả hòm công tơ.

- Tháo, chuyển hòm công tơ các loại trên các tuyến đường dây hạ áp cải tạo và xây dựng mới, bổ sung các phụ kiện của hòm công tơ như: Đai thép không gỉ treo hòm công tơ, khóa đai, ghíp bọc nhựa, cáp xuống hòm công tơ các loại… tại các vị trí thay thế cột, cần di chuyển hòm công tơ.

- Số hòm công tơ di chuyển, đấu trả xem bảng kê khối lượng hạ áp

b. Giải pháp kỹ thuật phần xây dựng:

- Các cột hạ thế trên tuyến được tính toán lựa chọn đảm bảo kết cấu cơ khí đường dây và đảm bảo khoảng cách an toàn theo nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ ban hành Quy định chi tiết thi hành luật Điện lực và bảo vệ công trình Điện lực và an toàn trong lĩnh vực Điện lực.

- Móng cột hạ thế: Sử dụng móng bê tông không cốt thép đổ tại chỗ trong đó bê tông lót móng mác M100#, bê tông đúc sử dụng bê tông mác M150#. Đối với từng chủng loại cột trên tuyến sử dụng các loại móng cụ thể như sau:

+ Móng ML-1; ML-2; ML-3 sử dụng cho cột bê tông ly tâm cao 8,5m;10m, 12M dựng đơn;

+ Móng MLĐ-2 sử dụng cho cột bê tông ly tâm cao 8,5m dựng đúp;

+ Móng MLĐ-3 sử dụng cho cột bê tông ly tâm cao 10m, 12m dựng đúp;

****Tháo dỡ, thu hồi***

- Đối với tài sản của Công ty Điện lực Phú Thọ: Thực hiện quản lý, sử dụng, xử lý tài sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Đối với tài sản của Chủ tài sản khác: Thực hiện việc kiểm đếm, tháo dỡ, thu hồi và bàn giao cho Chủ tài sản theo thỏa thuận chi tiết.

- Đối với cáp, dây dẫn các loại được tháo dỡ thu hồi theo phương án thu hồi, chi tiết đề cập trong thuyết minh BCKTKT. Sau khi tháo dỡ thu hồi dây dẫn, cáp, cột các loại được thành lập Hội đồng nghiệm thu VTTH để đánh giá phân loại chi tiết để tái sử dụng VTTH cho các công trình.

7.3. Thông số kỹ thuật chính

- Cáp vặn xoắn AL/XLPE 4x70: Tuân thủ theo TCVN 6447-1998; TCVN 5935-1: 2013; TCVN 5936: 1995 hoặc tương đương, Quyết định 318/QĐ-EVN*NPC* ngày 03/02/2016 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc. Văn bản số 5779/EVNNPC-KT ngày 16/11/2025 V/v áp dụng YCKT lựa chọn cáp vặn xoắn hạ áp;

- Văn bản số 2004/EVNNPC-KT ngày 23/4/2026 V/v áp dụng YCKT lựa chọn ghíp L-IPC;

- Cột điện theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 5847:2016

- Áp tô mát trong tủ phân phối hạ thế: Tuân thủ theo Quyết định số 99/QĐ-HĐTV ngày 05/9/2023 của EVN ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật máy cắt hạ áp áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

- Các tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật, quy phạm, định mức hiện hành khác có liên quan.

(Chi tiết trong hồ sơ BCKTKT công trình: Đầu tư, cải tạo lưới điện trung hạ thế khu vực khu vực Lạc Sơn – tỉnh Phú Thọ năm 2027).

8. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

8.1. Số bước thiết kế: Thiết kế 01 bước (Báo cáo kinh tế kỹ thuật)

8.2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

8.2.1. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm áp dụng cho công tác thiết kế

8.2.1.1. Luật, Quyết định, Thông tư

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình; Số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 09/2024/TT-BXD ngày 30/08/2024 ban hành QCVN 03:2024/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng; Số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng; Số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Công Thương: Số 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực; Số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 quy định hệ thống điện truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng; Số 41/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện; Số 51/2025/TT-BCT ngày 11/11/2025 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện – Hệ thống lưới điện;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện QCVN 25:2025/BCT;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2025/BCT về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện.

-Thông tư số 51/2025/TT-BCT ngày 11/11/2025 ban hành QCVN 26:2025/ BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện;

- Tiêu chuẩn cột điện ly tâm: Áp dụng tiêu chuẩn TCVN 5847: 2016;

8.2.1.2. Văn bản trong ngành điện

Căn cứ các Quyết định của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Bắc: Số 194/QĐ-HĐTV ngày 13/8/2025 về việc ban hành quy định về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Số 92/QĐ-HĐTV ngày 21/7/2026

về việc ban hành Quy chế phân cấp của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Bắc; số 118/QĐ-EVNNPC ngày 20/01/2026 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc ban hành Quy định về công tác khảo sát, thiết kế dự án lưới điện cấp điện áp đến 220kV trong Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Số 1979/QĐ-EVNNPC ngày 30/9/2026 ban hành Quy định về nội dung, trình tự thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư xây dựng lưới điện đến cấp điện áp 220kV áp dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Bắc;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-EVNNPC ngày 03/02/2016 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc ban hành tạm thời Bộ tiêu chuẩn kỹ thuật lựa chọn thiết bị thống nhất trong Tổng công ty Điện lực miền Bắc; số 118/QĐ-EVNNPC ngày 20/01/2026 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc ban hành Quy định về công tác khảo sát, thiết kế dự án lưới điện cấp điện áp đến 220kV trong Tổng công ty Điện lực miền Bắc;

- Yêu cầu thử nghiệm, kiểm soát chất lượng vật tư thiết bị trong phạm vi dự án áp dụng theo hướng dẫn tại:

+ Văn bản số 3029/EVNNPC-KT ngày 09/06/2021 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc quy định về kiểm soát chất lượng mua sắm VTTB;

+ Văn bản số 4987/EVNNPC-ĐT ngày 25/11/2016 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc Quản lý, kiểm tra chất lượng cột Bê tông ly tâm sử dụng trong Tổng Công ty Điện lực miền Bắc;

- Cáp vặn xoắn AL/XLPE 4x70: Tuân thủ theo TCVN 6447-1998; TCVN 5935-1: 2013; TCVN 5936: 1995 hoặc tương đương, Quyết định 318/QĐ-EVNNPC ngày 03/02/2016 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc. Văn bản số 5779/EVNNPC-KT ngày 16/11/2025 V/v áp dụng YCKT lựa chọn cáp vặn xoắn hạ áp;

- Văn bản số 2004/EVNNPC-KT ngày 23/4/2026 V/v áp dụng YCKT lựa chọn ghíp L-IPC;

- Các tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật, quy phạm, định mức hiện hành khác có liên quan.

8.2.1.3. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm áp dụng cho công tác thiết kế xây dựng

Đối với các kết cấu xây dựng như cột, xà, trụ đỡ thiết bị và móng cột, trụ… được tính toán và thiết kế dựa trên các tiêu chuẩn sau:

- TCVN 2737:2024: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5574:2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575:2012: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 1651:2008: Thép cốt bê tông;
- TCVN 2682:2009: Xi măng Poóc lăng;
- TCVN 7570:2006: Cốt liệu bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 4056:2012: Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8826:2011: Phụ gia hóa học bê tông;
- TCVN 5440:1991: Bê tông - Kiểm tra độ bền - Quy định chung;
- TCVN 9362:2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 1876-76; TCVN 1915-76; TCVN 1916-67: Gia công, chế tạo bu lông, đai ốc;
- TCVN 132-77; TCVN 2060-77: Tiêu chuẩn về vòng đệm vênh;
- TCVN 1656-93; TCVN 5709:1993: Thép kết cấu và thép dùng trong xây dựng;
- TCVN 5709:2009; JISG 3101; KDS 3053: Tiêu chuẩn về thép hình, thép tấm;

- TCVN 1765-75: Thép cacbon kết cấu thông thường - Mác thép và yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 7698:2007: Ống thép và phụ tùng đường ống;
- TCVN 3223:1994: Tiêu chuẩn que hàn có thuốc bọc;
- TCVN 4474:1987: Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4513:1988: Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5847:2016: Cột điện bê tông cốt thép ly tâm;
- TCVN 4055:2012: Công trình xây dựng - Tổ chức thi công;
- TCVN 4252:2012: Quy trình lập thiết kế tổ chức thi công và tổ chức thi công;
- TCVN 5547:2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công, nghiệm thu;
- TCVN 4085:1985: Kết cấu gạch đá - Quy phạm thi công, nghiệm thu;
- TCVN 4447:1985: Công tác đất - Quy phạm thi công, nghiệm thu;
- TCVN 9115:2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công, nghiệm thu;
- TCVN 9631:2012: Công tác nền móng - Thi công, nghiệm thu;
- TCVN 5639:1991: Nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong - Nguyên tắc cơ bản;
- TCVN 4088-85: Số liệu khí hậu dùng trong thiết kế.
- QCVN 02:2009/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;
- TCXDVN 302:2004: Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCXDVN 325:2004: Phụ gia hóa học bê tông;
- TCXDVN 170:2007: Kết cấu thép - Gia công lắp ráp và nghiệm thu - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 5408:2007 Phủ kẽm nhúng nóng cột điện;

9. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư xây dựng công trình (đã gồm VAT): **18.975.460.902VND**

(Bằng chữ: Mười tám tỷ, chín trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, chín trăm linh hai đồng)

Trong đó:

Chi phí xây dựng	15.816.967.632 VND
Chi phí quản lý dự án	380.309.792 VND
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.395.577.108 VND
Chi phí khác	479.012.993 VND
Chi phí dự phòng	903.593.377 VND

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

10. Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành quý III/2027.

11. Nguồn vốn đầu tư: TDTM và KHCB của EVN*NPC*.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Công ty Điện lực Phú Thọ trực tiếp quản lý và thực hiện dự án theo quy định của Nhà nước.

13. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư: Không

14. Các nội dung khác:

14.1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Có quyết định phê duyệt riêng.

14.2. Hiệu quả tài chính, kinh tế, xã hội:

Kết quả phân tích tài chính dự án cho thấy các giá trị IRR và NPV tốt, dự án mang lại hiệu quả về mặt tài chính, kinh tế. Công trình sau khi hoàn thành, đưa vào sử dụng sẽ đem lại các hiệu quả kinh tế, chính trị và xã hội.

14.3. Hiệu quả nâng cao độ tin cậy cung cấp điện:

- Việc triển khai dự án đảm bảo cấp điện an toàn liên tục. Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện (giảm nguy cơ mất điện do sự cố, qua đó giảm chỉ số MAIFI, SAIDI, SAIFI) cho khách hàng.

- Nâng cao hình ảnh, uy tín và niềm tin với khách hàng sử dụng điện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Giao các phòng Quản lý đầu tư, phòng Tài chính kế toán, phòng Kỹ thuật, phòng Kinh doanh, phòng An toàn, phòng Kế hoạch & Vật tư và các đơn vị có liên quan phối hợp Ban Quản lý dự án Điện lực Phú Thọ triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị nêu tại Điều 2 căn cứ chức năng nhiệm vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Nhà thầu tư vấn (để t/h);
- Lưu: VT, ĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY ĐIỆN LỰC PHÚ THỌ
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Tạ Lê Hiếu

Phụ lục

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PCPT ngày tháng 10 năm 2026 của Công ty Điện lực Phú Thọ)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	ĐỊNH MỨC	HỆ SỐ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	***Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư***						
2	***Chi phí xây dựng***				***14.379.061.484***	***1.437.906.148***	***15.816.967.632***
2.1	*Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ tạm phục vụ thi công*				*14.295.253.929*	*1.429.525.393*	*15.724.779.322*
	+ Hạng mục: Mua sắm đường dây hạ áp				*10.485.819.625*	*1.048.581.963*	*11.534.401.588*
	+ Hạng mục: Xây lắp đường dây hạ áp				*3.809.434.304*	*380.943.430*	*4.190.377.734*
2.2	*Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công*				*83.807.555*	*8.380.755*	*92.188.310*
	+ Hạng mục: Xây lắp đường dây hạ áp				*83.807.555*	*8.380.755*	*92.188.310*
3	***Chi phí quản lý dự án***	*3,32 %*	*0,80*	*3,32% x 0,8 x (Gxd+Gtbc)*	***380.309.792***		***380.309.792***
4	***Chi phí tư vấn xây dựng***				***1.306.170.793***	***89.406.315***	***1.395.577.108***
4.1	*Chi phí khảo sát*				*86.761.360*	*6.940.909*	*93.702.269*
4.2	*Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng*	*3,00%*		*3% x Gtv.1*	*2.602.841*	*208.227*	*2.811.068*
4.3	*Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng*	*4,07%*		*4,072% x Gtv.1*	*3.532.923*		*3.532.923*
4.4	*Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật*	*3,8%*		*3,84% x (Gxd+Gtbc)*	*549.516.709*	*43.961.337*	*593.478.046*
4.5	*Chi phí thẩm định thiết kế xây dựng*	*0,27%*	*0,96*	*0,27% x 0,96 x Gxd*	*37.558.321*		*37.558.321*
4.6	*Chi phí thẩm định dự toán công trình*	*0,26 %*	*0,96*	*0,26% x 0,96 x Gxd*	*36.460.445*		*36.460.445*

4.7	*Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)*			*0,2% x GGTXD (Dự toán gói thầu)*	*37.013.391*		*37.013.391*
4.8	*Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)*			*0,1% x GGTXD (Dự toán gói thầu)*	*18.506.696*		*18.506.696*
4.9	*Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)*			*0,2% x GGTXD (Dự toán gói thầu)*	*37.013.391*		*37.013.391*
4.10	*Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)*			*0,1% x GGTXD (Dự toán gói thầu)*	*18.506.696*		*18.506.696*
4.11	*Chi phí giám sát thi công xây dựng*	*3,34 %*		*3,34% x Gxd*	*478.698.021*	*38.295.842*	*516.993.863*
4.12	*Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị*	*1,14 %*		*1,147% x Gtbc*			
5	***Chi phí khác***				***466.763.764***	***12.249.229***	***479.012.993***
5.1	*Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán*	*0,36 %*	*0,50*		*33.256.708*		*33.256.708*
5.2	*Chi phí kiểm toán độc lập*	*0,6 %*			*109.230.462*	*8.738.437*	*117.968.899*
5.3	*Chi phí lãi vay (tạm tính)*	*7,8 %*	*3,00*	*7,8%*(Gxd+ Gtb)*3/12*	*280.391.699*		*280.391.699*
5.4	*Chi phí nghiệm thu đóng điện bàn giao công trình:*						
	- Đường dây hạ thế	*0,56 %*	*0,545*	*% x Gxd đzha*	*43.884.896*	*3.510.792*	*47.395.688*
6	***Chi phí dự phòng***			***Gdp1 + Gdp2***	***903.593.377***		***903.593.377***
	Chi phí dự phòng	*5,0 %*		*5% x (Gbt,tđc+Gcpxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk)*	*903.593.377*		*903.593.377*
	TỔNG CỘNG:				***17.435.899.210***	***1.539.561.692***	***18.975.460.902***